

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRIỆU THỊ TRINH

**QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI
LAO ĐỘNG Ở TỈNH YÊN BÁI TỪ
NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2010**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 62 22 03 13**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI –2015

Công trình được hoàn thành tại:

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Đình Lê**

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Mão

Phản biện 2: PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

Phản biện 3: PGS.TS. Trần Viết Nghĩa

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, tại: Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân,

Hà Nội Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2013

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vào giữa thập kỷ 2010, Việt Nam đang ở trong thời kỳ “dân số vàng” là lợi thế rất lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó giải quyết việc làm là một vấn đề cấp thiết trong xã hội, là tiền đề quan trọng để sử dụng có hiệu quả nguồn lực lao động, góp phần chuyển đổi cơ cấu lao động đáp ứng nhu cầu của quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người trong thời kỳ đổi mới.

Yên Bái là một trong 13 tỉnh miền núi phía Bắc, từ sau khi tái lập tỉnh năm 1991 được Nhà nước hỗ trợ, đầu tư thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, về an sinh xã hội, về tạo việc làm, giải quyết việc làm và cũng đạt được một số kết quả đáng ghi nhận.

Song, Yên Bái vẫn gặp phải không ít những khó khăn, trên địa bàn tỉnh ngoài dân tộc kinh còn có 34 đồng bào dân tộc thiểu số. Địa hình miền núi khiến cho hệ thống giao thông đi lại khó khăn, khó phát triển cơ sở hạ tầng, không hấp dẫn được các nhà đầu tư. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật còn rất thấp, nhiều vấn đề xã hội nổi cộm như tỷ lệ hộ nghèo cao, số người đến tuổi lao động chưa có việc làm còn nhiều. Tỷ lệ người thiếu việc làm ở khu vực nông thôn còn phổ biến đi kèm là chất lượng làm việc cũng thấp kém. Các vi phạm, tội phạm về ma túy như trồng, buôn bán và sử dụng thuốc phiện nhất là khu vực đồng bào thiểu số còn phổ biến. Đời sống đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa với tập quán du canh, du cư vẫn tồn tại, tình trạng đốt rừng làm rẫy gây thiệt hại nghiêm trọng về đất đai, môi trường sinh thái và dẫn đến những ảnh hưởng lâu dài. Kinh tế Yên Bái còn chậm phát triển, thu nhập bình quân đầu người thấp.

Do đó việc đi sâu nghiên cứu vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái để làm rõ quá trình triển khai thực hiện và kết quả giải quyết việc làm, đúc rút những kinh nghiệm cho hiện tại và tương lai là hết sức quan trọng và cần thiết. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần làm sáng tỏ những cơ sở lý luận khoa học như những đòi hỏi khách quan, vai

trò... của vấn đề giải quyết việc làm ở tỉnh Yên Bái nói riêng và các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả quyết định chọn đề tài ***“Quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010”*** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. Mục đích, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu:

(1) trình bày rõ được các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Yên Bái về giải quyết việc làm cho người lao động giai đoạn 1991-2010. (2) phản ánh được quá trình giải quyết việc làm cho người lao động trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010. (3) Trên cơ sở nghiên cứu những kết quả đã đạt được làm rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân, từ đó rút ra một số kinh nghiệm về giải quyết việc làm, ở tỉnh Yên Bái trong thời gian tiếp theo.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010.

2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu:

(1) Tập hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý luận và những tài liệu liên quan đến việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động nói chung, ở tỉnh Yên Bái nói riêng. (2) Nghiên cứu về tình trạng lao động dồi dào do sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước theo cơ chế kinh tế mới, thất nghiệp, thiếu việc làm...(3) làm rõ quá trình triển khai thực hiện và kết quả của giải quyết việc làm cho người lao động trong từng lĩnh vực cụ thể. (4) phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010. (5) So sánh quá trình thực hiện và kinh nghiệm của một số địa phương trong nước về giải quyết việc làm cho người lao động và rút ra những đặc điểm, bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Yên Bái.

3. Phạm vi nghiên cứu

(1)*Phạm vi thời gian*: từ năm 1991 đến năm 2010 (2) *Phạm vi không gian*: nghiên cứu tổng quát trên địa bàn 7 huyện, 01 thành phố và 01 thị xã của tỉnh Yên Bái. Trong đó tác giả tập trung vào khảo sát địa bàn 3 huyện Yên Bình, Văn Yên, Văn Chấn và thành phố Yên Bái. Đây là những địa bàn tiêu biểu thể hiện tính đặc trưng, phong phú về địa hình, dân cư, kinh tế xã hội Yên Bái.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng hai phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic, kết hợp chặt chẽ với một số phương pháp khác như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, đối chiếu. Ngoài ra tác giả luận án chú trọng sử dụng phương pháp điều tra khảo sát thực địa, điền dã, phỏng vấn nhân chứng lịch sử để thẩm định và làm phong phú thêm nguồn tài liệu .

5. Nguồn tài liệu

Để hoàn thành luận án này tác giả đã sử dụng nguồn tài liệu của các bộ, ban ngành Trung ương như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Việc làm, Tổng cục thống kê; các Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về vấn đề lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo; nhất là các đánh giá, báo cáo tổng kết hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, của Cục Thống kê trong giai đoạn 1991-2000; các số liệu từ kết quả điều tra, khảo sát thực tế của tác giả tại tỉnh Yên Bái.

6. Đóng góp của luận án

(1) Góp phần làm rõ hơn ý nghĩa, vai trò của giải quyết việc làm thông qua các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh Yên Bái. (2) Làm rõ thực trạng về lao động, việc làm và quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái. (3) Đánh giá những thành tựu, hạn chế và tìm ra nguyên nhân, nêu ra các đặc điểm của quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010. Trên cơ sở đó rút ra một số kinh nghiệm của quá trình giải quyết việc

làm cho người lao động của tỉnh Yên Bái trong giai đoạn tiếp theo. (4) Kết quả nghiên cứu của luận án có thể góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách giải quyết vấn đề lao động, việc làm và có thể sử dụng làm tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy và học tập về lịch sử địa phương và một số ngành khoa học có liên quan.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận án được bố cục thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về những vấn đề liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 1991 - 2000

Chương 3: Đẩy mạnh giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001 - 2010

Chương 4: Nhận xét và một số kinh nghiệm

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. Các công trình nghiên cứu, bài viết về vấn đề lao động việc làm nói chung

Sách gồm một số các cuốn sách tiêu biểu như: *“Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ CNH, HĐH ở Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Đình Hương Nxb Kinh tế Quốc dân năm 2000. *“Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng Bắc Bộ nước ta”* của GS.TS Phạm Đức Thành và TS Lê Doãn Khải, năm 2002 Nxb Lao động (Hà Nội). Năm 2011, Viện nghiên cứu khoa học dạy nghề đã xuất bản cuốn *“Mô hình dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động ở khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất”*.

Các đề tài nghiên cứu khoa học tiêu biểu như: năm 2001 đề tài cấp Bộ mã số CB 2001.01.01 *“Đánh giá vấn đề giải quyết việc làm theo các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội (phạm vi áp dụng cho các dự án vay vốn từ quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm)”* Viện Khoa học Lao động và các vấn đề xã hội. Năm 2007 Viện Khoa học Lao động và các vấn đề xã hội có đề tài *“Dự báo tác động của tăng trưởng kinh tế và hội nhập giai đoạn 2011-2020 tới lao động việc làm và các vấn đề xã hội”* mã số CB2008.01.07. *Báo cáo nghiên cứu về việc làm nông thôn tại Việt Nam* năm 2009, do Văn Phòng Hỗ trợ Tư vấn Phản biện và Giám định xã hội (OSEC) thực hiện thông qua Cục việc làm thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (MOLISA).

Các bài báo khoa học: trong đó đáng chú ý là bài *“Việc làm trong hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta”* của PGS.TS Nguyễn Tiệp đăng trên Tạp chí Lao động Xã hội số 394 tháng 11/2010. Bài viết của PGS, TS. Lê Danh Tồn, *“Giải quyết việc làm trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của*

Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo khoa học “*Đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế (1996 - 2007)*”.

Hầu hết nhóm các công trình trên đều khẳng định giải quyết việc làm trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là vấn đề kinh tế, xã hội rất tổng hợp và phức tạp. Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ thực sự có ý nghĩa đối với Việt Nam nếu như cùng với quá trình hội nhập ngày càng sâu hơn, toàn diện hơn, chúng ta giải quyết tốt hơn vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về giải quyết việc làm ở các địa phương

Luận văn, luận án có một số công trình như: Luận văn Thạc sĩ của tác giả Phạm Thị Thanh Huyền *Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo giải quyết việc làm từ năm 1997 - 2006*, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội. Năm 2012 tác giả Nguyễn Thị Hoàng Anh có luận văn thạc sĩ “*Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lãnh đạo giải quyết việc làm cho người lao động từ năm 1997 đến năm 2006*” tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn thạc sĩ *Đảng bộ Vĩnh Phúc chỉ đạo giải quyết việc làm cho nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ năm 1997 đến năm 2010* của tác giả Nguyễn Như Quỳnh (2013), Ngành Lịch sử Đảng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội. Năm 2014 tác giả Phạm Thị Thủy đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ chuyên Ngành Kinh tế chính trị tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, đề tài “*Việc làm cho nông dân khi thu hồi đất ở Hà Nội*”.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề lao động và việc làm ở tỉnh Yên Bái

Chưa có một công trình nghiên cứu cụ thể, toàn diện, có hệ thống về giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái mà chỉ một số công trình đã đề cập gián tiếp đến vấn đề lao động và việc làm của tỉnh Yên Bái. Năm 2000, Tạp chí Lao động Xã hội số 160 có nhóm ba bài viết chuyên đề về “*Công tác lao động xã hội ở tỉnh Yên Bái*”. Tác giả Lương

Văn Phương với bài *“Yên Bái thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo”*, tác giả Vũ Tuyên *“Kinh tế trang trại góp phần giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo ở Yên Bái”*. Tác giả Đỗ Đình Ương với bài *“Chương trình việc làm ở Yên Bái - kết quả và thách thức”*. Tháng 11/2010 tác giả Huy Ngọc *“5 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo tại Yên Bái”*. Tuy nhiên đa phần nội dung bài báo mới chỉ dừng lại ở những kết quả của các dự án xóa đói giảm nghèo và nêu ra một vài định hướng khuyến nghị chứ hầu như chưa có những con số hoặc đánh giá cụ thể về vấn đề lao động, giải quyết việc làm.

Đáng chú ý nhất là: (1) *65 năm xây dựng và phát triển ngành lao động - thương binh và xã hội tỉnh Yên Bái* do UBND tỉnh Yên Bái chỉ đạo và Sở LĐTBXH tỉnh Yên Bái thực hiện năm 2010 nhân dịp kỷ niệm 65 ngày truyền thống ngành LĐTBXH (1945-2010). Cuốn sách đã đánh giá một cách khái quát những nỗ lực và kết quả của ngành LĐTBXH tỉnh nói chung và trong vấn đề lao động việc làm nói riêng. (2) Luận văn thạc sĩ của tác giả Lương Thị Thuần *“Quá trình thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo của Đảng ở tỉnh Yên Bái từ năm 1996 đến năm 2010”* chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2011. Đây có thể nói là công trình nghiên cứu mặc dù đi sâu về công tác XDGN và thuộc chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng lại có nội dung gần với đề tài luận án. Do đó đã giúp cho tác giả tham khảo, kế thừa về tài liệu, góp phần làm sáng rõ hơn một số vấn đề thuộc nội dung của luận án.

1.2. Nhận xét chung về những vấn đề đã được giải quyết

Các lý thuyết về lao động, việc làm đã tập trung nghiên cứu, xác định vai trò của việc làm, giải quyết việc làm trong đời sống kinh tế xã hội. Các công trình nghiên cứu trước đều đã bao quát được những vấn đề về tạo việc làm, giải quyết việc làm trong bối cảnh đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế của cả nước và hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, từng địa phương. Trên mỗi khía cạnh, lĩnh vực nghiên cứu của các tác giả đã đề xuất những kiến

nghị, giải pháp. Tuy nhiên tính xã hội hóa nhằm giúp người lao động tự tạo, giải quyết việc làm mới chỉ được các tác giả đề cập khá chung chung. Những giải pháp, kiến nghị được đề xuất hầu hết ở khía cạnh Nhà nước vĩ mô, chưa đề cập nhiều đến tính chủ động, phối hợp của chính người lao động ở các địa phương và trong các ngành, nghề cụ thể.

Các tác giả đã sử dụng phong phú phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu như phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, phương pháp phân tích, tổng hợp, điều tra, tọa đàm v.v. Các công trình nghiên cứu và bài viết kể trên có nội dung rất phong phú, đa dạng được đề cập dưới nhiều góc độ, nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau về việc làm, giải quyết việc làm, tập trung vào các giải pháp, khuyến nghị mang tính dự báo. Các công trình nghiên cứu, bài viết, các luận văn, luận án đi trước đã cung cấp thêm những nguồn tư liệu, những phương pháp tiếp cận, những cách nhìn khoa học phong phú giúp luận án có cái nhìn sâu hơn về vấn đề lao động, việc làm nói chung, của tỉnh Yên Bái nói riêng.

1.3. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Qua những vấn đề đã được nghiên cứu của các tác giả đi trước, tác giả luận án nhận thấy còn một số vấn đề quan trọng - là “khoảng trống” mà luận án cần phải tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở có sự kế thừa để làm sáng tỏ *Quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010*, đó là:

(1) Phân tích, làm rõ những yêu cầu khách quan và những yếu tố tác động đến quá trình giải quyết việc làm ở tỉnh Yên Bái. (2) Làm rõ vị trí vai trò của vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái. Từ đó đưa ra được sự so sánh với các tỉnh có nhiều lợi thế trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. (3) Làm rõ quá trình thực hiện và kết quả cụ thể của giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ sau khi tái lập tỉnh năm 1991 đến năm 2010. (4) Đánh giá những thành công, hạn chế, làm rõ nguyên nhân của thành công và hạn chế trong quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở Yên Bái. (5) Chỉ ra những đặc điểm về

giải quyết việc làm của tỉnh Yên Bái, làm cơ sở cho các nhà quản lý hoạch định chính sách. (6) Việc nghiên cứu về giải quyết việc làm cần được tìm hiểu và nhận diện một cách rõ ràng và toàn diện hơn trong bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh Yên Bái. Đặc biệt là việc xem xét các tác nhân mới của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nhằm giải quyết việc làm cho người lao động nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng. Vì vậy, vấn đề này vẫn đòi hỏi phải được nhận thức rõ hơn và rút ra những đặc điểm và nêu lên những bài học kinh nghiệm từ quá trình triển khai thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010.

Chương 2

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở TỈNH YÊN BÁI (1991 - 2000)

2.1. Một số khái niệm cơ bản về lao động, việc làm và những yếu tố tác động đến giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Tác giả đã trình bày một số khái niệm như lao động, người lao động, việc làm và đi sâu tìm hiểu giải quyết việc làm xét dưới góc độ của nhà quản lý và của người lao động.

2.1.2. Các yếu tố tác động đến lao động, việc làm ở tỉnh Yên Bái

(1) *Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên* Tác giả trình bày khái lược vị trí địa lý, diện tích đất tự nhiên, đất nông nghiệp, thời tiết, khí hậu... của Yên Bái để rút ra những lợi thế và hạn chế về tự nhiên, địa hình. (2) *Đặc điểm về cư dân, truyền thống văn hóa và kinh tế - xã hội* Tác giả đưa ra thống kê dân số, dân số trong độ tuổi lao động của Yên Bái năm 1991 và năm 2010. Sự đa dạng về sắc tộc tạo cho Yên Bái những nét văn hóa truyền thống, sinh hoạt, sản xuất rất riêng biệt. Tác giả cũng chỉ ra một số thuận lợi và khó khăn của kinh tế xã hội Yên Bái khi tái lập tỉnh như tốc độ tăng trưởng, các lợi thế về dân số, đặc điểm dân cư... (3) *Thực trạng tình hình lao động và việc làm trên địa bàn tỉnh Yên Bái trước năm 1991* Trước năm 1991 Yên Bái là một phần của tỉnh Hoàng Liên Sơn, công tác giải quyết việc làm thời kỳ này đơn thuần là điều phối, sử dụng lao động. Trình độ phân công lao động chưa cao, phổ biến tình trạng trì trệ. Khu vực quốc doanh vừa thiếu về số lượng, yếu về chất lượng đời sống của cán bộ, công chức rất bấp bênh, căng thẳng không đảm bảo được mức sống tối thiểu. Nguyên nhân hạn chế trong giải quyết việc làm thời kỳ trước năm 1991: do cơ chế kinh tế tập trung, do tiềm lực kinh tế tích lũy từ nội bộ thấp hầu như trông chờ vào ngân sách Nhà nước, do sự yếu kém trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền địa phương. Vấn đề lao động, việc

làm của Yên Bái đứng trước nhiều khó khăn và thách thức khi chuyển đổi cơ chế vào cuối những năm 1980. Vấn đề giải quyết việc làm chưa được các cấp chính quyền đặt ra, bản thân người lao động vẫn quen trông chờ vào cơ chế vì vậy không khuyến khích sử dụng lao động hiệu quả. Từ những tiềm năng, thế mạnh cũng như những khó khăn, hạn chế về tự nhiên, khí hậu, dân cư, kinh tế xã hội của Yên Bái là cơ sở, điều kiện để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Yên Bái tìm ra những chính sách, hoạch định hướng đi, tổ chức thực hiện đúng đắn, phù hợp các mục tiêu trong công tác giải quyết việc làm, trong phát triển kinh tế xã hội lâu dài, bền vững của tỉnh.

2.2. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và sự vận dụng vào thực tiễn của tỉnh Yên Bái trong giải quyết việc làm cho người lao động

2.2.1. Những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về giải quyết việc làm

Nghị quyết số 120/HĐBT năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng về *“Chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm trong các năm tới”* đã đánh dấu bước đột phá ngoạn mục, đổi mới toàn diện trong lĩnh vực lao động, việc làm phù hợp với cơ chế thị trường. Theo đó Quỹ Quốc gia về việc làm đã được thành lập. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* nêu rõ phương hướng thực hiện chính sách lao động và việc làm. *Định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu* do Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996) khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi người mở mang ngành nghề nhằm tạo việc làm cho người lao động. *Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2000* của Thủ tướng chính phủ được ban hành ngày 01/7/1998 người lao động được giải phóng khỏi giàng buộc bởi nhiều cơ chế không hợp lý, phát huy được quyền chủ động tìm việc làm, tăng thu nhập. Ngày 22/9/1998 Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 41/CT-TW về xuất khẩu

lao động và chuyên gia thúc đẩy công tác đưa người đi lao động ở nước ngoài.

2.2.2. *Chủ trương, chính sách của tỉnh Yên Bái về giải quyết việc làm*

Ngày 02 tháng 5 năm 1992 Ban thường vụ Tỉnh uỷ Yên Bái đã ban hành Chỉ thị số 04CT/TU “*Về một số nhiệm vụ cấp bách trong đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*” nhằm khai thác được tiềm năng lao động, đất đai, vốn liếng của người nông dân trong sản xuất. Ngày 15 tháng 3 năm 1993, Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái đã ra Nghị quyết 03 về “*Tiếp tục đổi mới và phát triển nông - lâm nghiệp toàn diện, xây dựng nông thôn mới đến năm 2000*”. Ngày 15 tháng 6 năm 1994 Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái ban hành Nghị quyết “*Về đổi mới và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đến năm 2000 đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá*”. Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Yên Bái đã ra Nghị quyết số 01 ngày 16/7/1996 về “*Tiếp tục đổi mới và phát triển HTX cùng các ngành các lĩnh vực kinh tế*”. Phát triển kinh tế vùng cao là nhiệm vụ rất khó khăn tuy nhiên mang ý nghĩa chiến lược. Ngày 14 tháng 4 năm 1997 Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái đã ra nghị quyết số 04NQ/TU về *phát triển kinh tế vùng cao đến năm 2000* phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên gắn với quá trình tự tạo việc làm của người lao động ở Yên Bái. Báo cáo số 73-BC/TU ngày 20 tháng 4 năm 1999 về “*Một số vấn đề cơ bản về tình hình quản lý, sử dụng đất đai và kinh tế trang trại ở tỉnh Yên Bái*”

2.3. Quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2000

2.3.1. *Chỉ đạo các tổ chức, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện*

Để thực hiện công tác giải quyết việc làm cho người lao động đạt kết quả, Yên Bái đã huy động sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị, các ban ngành đoàn thể chính trị - xã hội và của chính người lao động. Yên Bái tái lập tỉnh vào tháng 10/1991, vấn đề đầu tiên của ngành lao động là

xếp lại lực lượng dồi dư, từ tháng 3/1992 tỉnh Yên Bái đã tiến hành rà soát, triển khai. Công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp công nghiệp nhà nước bắt đầu được tiến hành áp dụng từng bước từ năm 1993.

Yên Bái đã cụ thể hóa các quan điểm về giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn, phục hồi các ngành nghề, làng nghề truyền thống. Kinh tế trang trại tự tự phát, đã được phát triển có định hướng, kèm theo nó là những cơ chế chính sách thuận lợi cho kinh tế trang trại phát triển. Chương trình chiến lược quốc gia, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm được thành lập tại địa phương đã hỗ trợ đắc lực cho người lao động tự tạo và giải quyết việc làm thông qua các chương trình dự án như 120, 135, 327, 143, 06...và hàng loạt các dự án nhỏ. Điều này có ý nghĩa to lớn vào giải quyết việc làm cho người lao động tại các địa phương trong đó có Yên Bái.

Với tất cả những giải pháp, giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2000 tỉnh Yên Bái đã giải quyết được trên 110.000 người có việc làm mới, trung bình mỗi năm là 12.000 người. Như vậy vấn đề trọng tâm nhất về giải quyết việc làm của Yên Bái từ sau khi tái lập tỉnh năm 1991 là sắp xếp lại lao động, phải tạo được sự chuyển dịch lao động giảm dần trong nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, tăng dần công nghiệp dịch vụ, cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân thu hút và giải quyết được nhiều việc làm nhất cho người lao động. Đến năm 2000 các nhiệm vụ này của ngành lao động đã hoàn thành và bắt đầu đi vào ổn định, tạo đà phát triển mới cho sự phát triển của kinh tế Yên Bái.

2.3.2. Giải quyết việc làm từ nhóm ngành, thành phần, khu vực kinh tế và các đối tượng lao động khác

(1) *Theo nhóm ngành kinh tế* Mô hình trang trại nông lâm - ngư - nghiệp phù hợp với điều kiện vốn và nguồn lao động địa phương. Các doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp khá nhỏ bé về quy mô cũng như số lao động sử dụng. Công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh ở cả nông thôn, thị xã và thị trấn, tạo nhiều việc làm hàng chục ngàn lao động.

(2) *Theo thành phần kinh tế* Yên Bái thực hiện sắp xếp tổng thể các doanh nghiệp Nhà nước, xoá bỏ chế độ chủ quản doanh nghiệp. Các HTX cũng chuyển đổi dần phương thức tổ chức, hoạt động, cơ chế quản lý thích hợp dần với cơ chế thị trường, giải quyết thêm việc làm cho lao động nông thôn. Kinh tế hộ ở Yên Bái phát triển đa dạng, các hộ đã tìm ra phương thức tự giải quyết việc làm cho chính các thành viên trong gia đình. Các doanh nghiệp vốn FDI đầu tư vào Yên Bái rất thấp chưa phát huy được tác động làm chuyển biến kinh tế cũng như việc làm cho người lao động.

(3) *Theo khu vực kinh tế* lao động thành thị được giải quyết việc làm chủ yếu là trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ tư nhân là chính. Quỹ giải quyết việc làm của tỉnh tổ chức cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để người dân chủ động tạo công ăn việc làm và tham gia vào các dự án của địa phương. Nội dung cốt lõi nhất của kinh tế nông thôn Yên Bái từ đầu những năm 1990 là xác lập vai trò của kinh tế hộ gia đình, người nông dân đã tự tìm ra được hướng tự giải quyết việc làm cho chính mình và gia đình.

(4) *Một số đối tượng lao động khác* Theo các chương trình dự án làm xuất hiện nhiều chủ dự án với mô hình sản xuất hiệu quả, thu hút, giải quyết được nhiều lao động. Về giải quyết việc làm cho người lao động từ sự hỗ trợ của các đoàn thể chính trị xã hội gắn với các phong trào như “Thanh niên lập thân, lập nghiệp” “Nông dân sản xuất giỏi”... Đối với vùng cao, công tác giải quyết việc làm gắn với cuộc vận động xoá bỏ cây thuốc phiện, định canh, định cư, giao đất rừng “cầm tay chỉ việc”. Ngoài ra còn có chính sách ưu đãi đối với cán bộ chiến sĩ sau khi làm tròn nghĩa vụ quân sự.

Tiểu kết chương 2

Vượt qua những khó khăn thử thách ban đầu trong giải quyết việc làm cho người lao động khi tái lập tỉnh, Yên Bái đã hoàn thành việc tổ chức, sắp xếp lại lao động dôi dư, tạo sự chuyển dịch của một bộ phận rất lớn lao động trong Nhà nước sang hoạt động kinh tế tư nhân đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi trọng tâm nhất của giải quyết việc làm tỉnh Yên Bái thời kỳ

này. Bên cạnh đó quá trình tổ chức thực hiện giải quyết việc làm cũng bộc lộ những điểm hạn chế, những yêu cầu đòi hỏi mới được đặt ra với Yên Bái trong giai đoạn tiếp.

Chương 3

ĐẨY MẠNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2001 - 2010

3.1. Bối cảnh lịch sử của đất nước và những yêu cầu mới về giải quyết việc làm ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 2001-2010

3.1.1. Bối cảnh lịch sử của đất nước

Sau 15 năm tiến hành đổi mới, trước bối cảnh thế giới với những thời cơ, vận hội và thách thức của quá trình toàn cầu hóa đã đặt ra những yêu cầu bức xúc liên quan đến vấn đề lao động, việc làm và chính sách giải quyết việc làm của Việt Nam. Việt Nam phải phát triển một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, có tay nghề cao đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH.

3.1.2. Những yêu cầu mới đối với giải quyết việc làm của Yên Bái

(1) Cần đẩy mạnh tính chuyên môn hóa, đầu tư có trọng điểm Nhà nước tăng cường khuyến khích, vận động, tạo điều kiện để người lao động tận dụng lợi thế đất đai, tài nguyên tự tạo việc làm. (2) Có chính sách ưu đãi để thu hút, khuyến khích, tạo điều kiện cho nguồn lao động chất lượng cao về với địa phương. (3) Yêu cầu giải quyết việc làm cho đồng bào thiểu số, vùng cao, những đối tượng yếu thế không chỉ thể hiện tính nhân văn, ưu việt của chế độ mà còn có ý nghĩa chiến lược về an ninh, quốc phòng. (4) Yên Bái cần tăng cường thu hút, mời gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đẩy mạnh xây dựng các khu, cụm công nghiệp. (5) Việc tăng cường XKLD ra nước ngoài và trao đổi lao động Yên Bái với các tỉnh thành khác. (6) Không chỉ tìm, tạo ra việc làm mới mà còn phải nâng cao được chất lượng việc làm thông qua đào tạo tay nghề, chuyên môn...

3.2. Chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và tỉnh Yên Bái về giải quyết việc làm cho người lao động

3.2.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giải quyết việc làm giai đoạn 2001-2010

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001-2005* tại quyết định số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2001. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng xác định: Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế. Ngày 7/06/2005, Bộ LĐ-TBXH đã ra Quyết định số 1000/2005/QĐ-LĐTB&XH về phê duyệt “*Đề án xã hội hoá dạy nghề đến năm 2010*”. Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (2006) đã nêu một số nội dung khuyến khích, chú trọng đào tạo nghề, tạo và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn.

Ngày 26/5/2006 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 116/2006/QĐ-TTg “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Yên Bái thời kỳ 2006 - 2020*”. Quyết định này của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở mang tính pháp lý toàn diện, mở ra những cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho sự phát triển đồng bộ của Yên Bái trong đó vấn đề lao động, việc làm là một lĩnh vực được đề cập cụ thể. Tháng 08 năm 2007 Nghị quyết số 26-NQ/TU về “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”, vấn đề giải quyết việc làm cho nông dân được coi là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình kinh tế, xã hội của cả nước.

3.2.2. Chủ trương của tỉnh Yên Bái về giải quyết việc làm cho người lao động giai đoạn 2001-2010

Ngày 26 tháng 11 năm 2001, Tỉnh ủy Yên Bái đã ra Nghị quyết số 03-NQ/TU “*Về đẩy mạnh phát triển công nghiệp giai đoạn 2001-2005*”. Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 14/04/2003 của Tỉnh ủy Yên Bái về “*Xây dựng và phát triển kinh tế đồi rừng giai đoạn 2003 - 2005 và định hướng đến năm 2010*” chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho nghề

rừng. Năm 2003 Ban chỉ đạo XKLD được thành lập, cho đến đầu 2010 đã có 9/9 huyện, thị, thành phố đều có Ban chỉ đạo XKLD. Ngày 20 tháng 4 năm 2007, khi Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái có quyết định số 523/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “*Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và thí điểm tổ chức dạy nghề, tạo việc làm cho người nghiện ma túy sau cai nghiện tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2006 - 2010*”. Nghị quyết số 08/NQ-TU của Tỉnh ủy Yên Bái về *đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và giảm nghèo đến năm 2010* được ban hành ngày 18/5/2007. Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động địa phương được thành lập năm 2008. Quyết định 21/QĐ-UBND ngày 05/9/2008 của UBND tỉnh ban hành *Một số chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội hai huyện Trạm Tấu và Mù Cang Chải giai đoạn 2008 - 2010*. Ngày 18 tháng 5 năm 2009 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 673/QĐ-UBND phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể hệ thống khu, cụm công nghiệp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2008-2015, định hướng đến 2020*”.

3.3. Quá trình giải quyết việc làm cho người lao động của tỉnh Yên Bái từ năm 2001 đến năm 2010

3.3.1. Chỉ đạo các tổ chức, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện

Cơ cấu tổ chức quản lý giải quyết việc làm của Yên Bái giai đoạn này có sự thống nhất phối hợp đa dạng của các ngành dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh tạo ra một cơ chế đồng bộ, khép kín. Giải quyết việc làm cho người lao động của Yên Bái từ năm 2001 đến năm 2010 đã đi vào chiều sâu. Sự phối hợp tổng thể của hệ thống chính quyền, ban ngành, đoàn thể và của chính người lao động đã đem đến những kết quả quan trọng, giải quyết được cơ bản những yêu cầu, đòi hỏi đặt ra trước đó cho Yên Bái trong bối cảnh tình hình mới. Với những giải pháp đồng bộ trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động từ năm 2001 đến 2010 Yên Bái đã đạt được những kết quả vượt trội so với giai đoạn trước. Tổng số lao động được giải quyết việc làm mới mỗi năm trung bình

trên 17.000 người, nâng tổng số của cả giai đoạn này lên gần 190.000 người.

3.3.2. Giải quyết việc làm từ nhóm ngành, thành phần kinh tế đến khu vực kinh tế và một số đối tượng lao động khác

(1) Theo nhóm ngành kinh tế Yên Bái đã có nhiều cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đồi rừng góp phần tích cực giải quyết việc làm tại chỗ cho người dân. Số lao động thuộc nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp có chiều hướng giảm thể hiện sự chuyển dịch lao động sang nhóm ngành công nghiệp, dịch vụ phù hợp với xu hướng phát triển. Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm (2001-2010) thuộc nhóm ngành công nghiệp, dịch vụ tăng khá đều. Điều này chứng tỏ cơ cấu kinh tế tỉnh Yên Bái dịch chuyển đúng hướng của CNH, HĐH.

(2) Theo thành phần kinh tế các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể hầu như không có sự biến động. Công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp chưa thực sự xấp xỉ, giải quyết, tạo được nhiều việc làm cho người lao động. Kinh tế tư nhân giải quyết được nhiều công ăn việc làm nhất cho người lao động. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài rất nhỏ bé (chỉ chiếm 0,01%) so với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

(3) Theo khu vực kinh tế do tác động của xu thế hội nhập nên Yên Bái cũng có những biến chuyển quan trọng trong giải quyết việc làm ở khu vực thành thị. Tỷ lệ thất nghiệp nói chung của cả tỉnh đến năm 2010 còn 3,2%. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã có những chuyển biến vượt bậc, tạo việc làm, tăng thu nhập, tạo đà cho sự phát triển của một nguồn nhân lực có chất lượng cao hơn trong giai đoạn tiếp theo của tỉnh.

(4) Một số đối tượng lao động khác theo các chương trình, dự án, giải quyết việc làm cho những người sau cai nghiện, xuất khẩu lao động đi nước ngoài, giải quyết việc làm cho đồng bào vùng cao, người dân tộc thiểu số, từ sự hỗ trợ của các đoàn thể chính trị xã hội, lao động cung

ứng đi tình ngoài đều được tổ chức thực hiện rất hiệu quả. Trong đó nổi bật nhất là kết quả giải quyết việc làm từ các chương trình dự án

Tiểu kết chương 3

Trước bối cảnh, đòi hỏi mới của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế, tỉnh Yên Bái đã có những hoạch định và bước đi cụ thể về lao động, việc làm nhằm giải quyết phù hợp, đáp ứng tốt hơn với xu thế. Trong giai đoạn (2001-2010) công tác giải quyết việc làm cho người lao động ở Yên Bái đã đạt được những kết quả vượt trội hơn hẳn so với giai đoạn (1991-2000). Những kết quả đạt được đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế của tỉnh, góp phần ổn định xã hội, chất lượng cuộc sống được nâng lên nhanh chóng, công tác XDGN được chỉ đạo thường xuyên và thực hiện tích cực. Mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế xong trong giai đoạn (2001-2010) Yên Bái đã đạt được những thành công nhất định. Công tác chỉ đạo thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động đã đáp ứng được phần lớn những xu thế, đòi hỏi đặt ra, phù hợp với bối cảnh, tình hình chung của Yên Bái và góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét quá trình giải quyết việc làm ở tỉnh Yên Bái (1991-2010)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

(1) Những kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Yên Bái có sự góp phần quan trọng từ các chương trình hỗ trợ giải quyết việc làm của Nhà nước cho người lao động ở tỉnh Yên Bái. (2) Yên Bái đã vận dụng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách xã hội nói chung, về giải quyết việc làm nói riêng có hiệu quả, linh hoạt vào thực tiễn của tỉnh. (3) Kịp thời nắm bắt những đòi hỏi, xu thế phát triển mới của thế giới và trong nước để giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. (4) Những kết quả giải quyết việc làm cho người lao động của tỉnh Yên Bái đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 1991 - 2010 và giai đoạn tiếp theo

4.1.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

(1) Hạn chế trong cơ chế, chính sách. (2) Hạn chế trong gắn kết các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội với giải quyết việc làm. (3) Hạn chế trong giải quyết việc làm về số lượng và chất lượng của việc làm

4.1.3. So sánh quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái giai đoạn 1991 - 2000 với giai đoạn 2001 - 2010

Về kết quả số lượng việc làm: Xét về số lượng việc làm trung bình hàng năm của thời kỳ 2001-2010 đã tăng gần 150% so với giai đoạn 1991-2000.

Về chất lượng việc làm: Giai đoạn 1996-2000 hệ số sử dụng thời gian lao động khu vực nông thôn từ 65% năm 1996 lên 73% năm 2000, giai đoạn 2001-2005 là 74% năm 2001 và 79% năm 2005, sang giai đoạn 2006-2010 đã nâng từ 79% năm 2005 lên 82% năm 2010.

Về tính ổn định của việc làm, tỉ lệ thất nghiệp thành thị đã giảm ½ của giai đoạn 1991-2000 so với 2001-2010.

Sự chênh lệch về thu nhập của người lao động trong hai giai đoạn trước và sau năm 2000 được thể hiện rất rõ ràng, chênh lệch hàng chục lần từ khi bắt đầu tách tỉnh năm 1991 đến 2010. Kết quả từ thu nhập của hoạt động XKLD là điểm sáng hơn hẳn của giai đoạn 2001-2010 so với giai đoạn 1991 - 2000.

4.1.4. So sánh giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái với một số tỉnh, thành khác

(1) *So sánh với tỉnh Phú Thọ:* Phú Thọ tái lập tỉnh sau, có điều kiện địa lý thuận lợi hơn Yên Bái nhưng cũng xuất phát điểm là tỉnh nghèo. Tuy nhiên, suốt từ năm 1997 chính sách phát triển kinh tế xã hội nói chung và chính sách giải quyết việc làm nói riêng của Phú Thọ thể hiện rõ tính năng động, hiệu quả. Qua đó là bài học kinh nghiệm giá trị với Yên Bái đặc biệt là chủ trương, chính sách giải quyết việc làm cho người lao động.

(2) *So sánh với tỉnh Lào Cai:* Hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai có nét tương đồng về dân số, diện tích, xuất phát điểm về kinh tế - xã hội nhưng sau hơn 20 năm tái lập Lào Cai đã đạt được những hiệu quả nhanh chóng, mạnh mẽ hơn đáp ứng tốt hơn công cuộc CNH, HĐH. Bên cạnh những lợi thế vượt trội của Lào Cai về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên...thì vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động gắn liền với những chính sách kinh tế - xã hội cũng được Lào Cai nhanh nhạy, kịp thời, đúng xu thế hơn. Đó cũng chính là những kinh nghiệm, bài học cho Yên Bái về vấn đề giải quyết việc làm.

4.2. Đặc điểm của quá trình giải quyết việc làm ở tỉnh Yên Bái giai đoạn (1991 - 2010)

(1) Đảng bộ, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể của tỉnh Yên Bái đã kịp thời đưa ra các chủ trương, biện pháp và chỉ đạo tổ chức thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động. (2) Yên Bái là một trong những tỉnh miền núi nghèo nhất cả nước nên luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ lớn từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án nhất là các

chương trình 133,134,135... nên quá trình giải quyết việc làm cũng có nhiều thuận lợi về nguồn vốn. (3) Nguồn nhân lực của tỉnh Yên Bái khá dồi dào, nhưng do đặc điểm từng tộc người sinh sống phân tán rải rác, nhiều tập tục canh tác, sản xuất còn lạc hậu, dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, ít có sự đầu tư tái sản xuất. (4) Thể lực người lao động của Yên Bái yếu, tầm vóc ở mức trung bình thấp, người đến tuổi lao động ở vùng cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn phổ biến thể lực thấp còi nên, khó đáp ứng được những công việc yêu cầu với cường độ cao nhất là xuất khẩu lao động. (5) Vùng cao Yên Bái chiếm 67% đất đai, 30% dân số toàn tỉnh, tình trạng trồng và sử dụng cây thuốc phiện còn khá phổ biến kéo theo đó là các hệ lụy về kinh tế, xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực ở địa phương. (6) Hệ thống giao thông hạn chế do địa hình phức tạp nên không thu hút được các nhà đầu tư lớn, nhất là đầu tư nước ngoài (FDI)..

4.3. Một số kinh nghiệm

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách giải quyết việc làm (2) Xây dựng chiến lược, kế hoạch giải quyết việc làm gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (3) Tổ chức, triển khai thực hiện và quản lý các chương trình, dự án việc làm của tỉnh (4) Tăng cường hợp tác kinh tế với các địa phương khác và với các nước trên thế giới để giải quyết việc làm cho người lao động

Tiểu kết chương 4

Thông qua quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở tỉnh Yên Bái từ năm 1991 đến năm 2010 đã thể hiện được tính thích ứng, kịp thời của tỉnh về cơ chế chính sách, về triển khai và tổ chức thực hiện. Quá trình triển khai, tổ chức thực hiện về giải quyết việc làm của tỉnh cũng như đánh giá kết quả của các địa phương khác trong suốt 20 năm (1991-2010) Yên Bái có thể rút ra những đặc điểm, một số bài học kinh nghiệm.

KẾT LUẬN

Trong suốt 20 năm từ khi tái lập tỉnh (1991) đến năm 2010, nhiệm vụ của Yên Bái là làm sao vượt qua những thử thách, khó khăn để thích ứng, chuyển đổi kịp thời từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường. Trong quá trình giải quyết việc làm cho người lao động, tỉnh Yên Bái đã bám sát những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lao động, việc làm để kịp thời điều chỉnh cơ chế, tổ chức thực hiện cho phù hợp với tính đặc thù của tỉnh.

Từ sau những năm 2001 trở đi đã có “sức bật” với kết quả khá nổi bật và tích cực trong chuyển dịch lao động giữa các nhóm ngành kinh tế, thành phần kinh tế, khu vực kinh tế, các đối tượng khác v.v. Số người lao động được giải quyết việc làm tuy chỉ tăng gấp 1,5 lần so với giai đoạn trước nhưng thu nhập lại tăng hàng chục lần. Công tác hướng nghiệp, dạy nghề tuy chưa thực sự đột biến nhưng đã được chú trọng với tính xã hội hóa khá cao. Nhận thức của người lao động nhất là đồng bào vùng cao, dân tộc thiểu số từ chỗ hoàn toàn trông chờ, ỉ lại sự bao cấp của Nhà nước đã tích cực, chủ động tạo và tìm kiếm việc làm. Với sự phát triển của mạnh mẽ của giao thông, mạng lưới thông tin, người lao động cũng biết đến thị trường việc làm của các địa phương khác. Yên Bái vẫn tiếp tục chú trọng giải quyết việc làm cho những đối tượng khác kết hợp với sự chung tay góp sức của các đoàn thể chính trị xã hội nhằm huy động sức mạnh tổng thể và tính ưu việt của hệ thống chính trị với các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên kết quả giải quyết việc làm của Yên Bái vẫn còn nhiều hạn chế do quá trình tổ chức thực hiện của các ban ngành còn chưa thực sự tích cực, kém năng động, các chính sách hỗ trợ cần thiết cho người lao động chưa phát huy hết hiệu quả. Số lượng việc làm theo thống kê thì tăng mạnh nhưng thực tế chất lượng, tính ổn định của việc làm chưa cao. So sánh kết quả, kinh nghiệm giải quyết việc làm với các tỉnh thành khác như Lào Cai, Phú Thọ cho thấy Yên Bái còn nhiều yếu kém. Vì vậy Yên Bái cần rút ra một số kinh nghiệm về cơ chế, chính sách, công tác tổ chức, quản lý để

nâng cao tính đồng thuận trong nhiệm vụ giải quyết việc làm nói riêng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung.

Quá trình 20 năm quản lý, tổ chức thực hiện giải quyết việc làm cho người lao động, tỉnh Yên Bái đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần định hình đúng đắn con đường phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân và góp phần cùng cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Triệu Thị Trinh (2013): *“Một số kinh nghiệm trong việc giải quyết việc làm cho thanh niên nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”*, Tạp chí Giáo dục lý luận, Số 200/2013.
2. Triệu Thị Trinh (2013): *“Vấn đề lao động - việc làm của thanh niên nông thôn hiện nay- Thực trạng và giải pháp”*, Tạp chí Cộng sản - www.tapchicongsan.org.vn, ngày 3/10/2013.
3. Triệu Thị Trinh (2014): *“Hỗ trợ giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ở tỉnh Yên Bái”*, Tạp chí Xã hội học, Số 2(126)/2014.
4. Triệu Thị Trinh (2014): *“Bảo đảm an sinh xã hội ở Yên Bái: thành tựu và thách thức”*, Tạp chí Lao động và Xã hội, Số 486/2014.
5. Triệu Thị Trinh (2014 - Tham gia viết): *“Bảo đảm an sinh xã hội cho người dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Sách chuyên khảo, Nxb Hải Phòng, 2014.
6. Triệu Thị Trinh (2015): *“Quan điểm cơ bản của Đảng về giải quyết việc làm cho người lao động (1986-2010)”*, Tạp chí Lịch sử Đảng, Số 295/6-2015
7. Triệu Thị Trinh (2015): *“Giải quyết việc làm theo các chương trình, dự án ở Yên Bái từ năm 2001 đến nay - Kết quả và những vấn đề đặt ra”*, Tạp chí Cộng sản, số 107/11-2015.